

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở  
Giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ – CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ – CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư Pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại tờ trình số 1066/TTr – SGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2016 và ý kiến của Sở Tư Pháp tại văn bản số 1367/STP - KSTTHC ngày 21 tháng 07 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố sửa đổi, bổ sung 18 thủ tục hành chính và bãi bỏ 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội. (Danh mục kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *h*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUBTP: PVP P.C. Công, P.V. Chiến;
- Các phòng: NC, ĐT, TKBT, TH;
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- Website, Công báo;
- Lưu: VT, NC<sub>(Binh)</sub>, SGTVT. *cl*

34671 (13/5)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH** *h*



**Nguyễn Thế Hùng**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~5471~~ /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm  
2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh UBND thành phố Hà Nội)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
<b>I. Lĩnh vực đường bộ</b>			
1	T-HNO- 263551-TT	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác là đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</li><li>- Bãi bỏ Quyết định 04/2006/QĐ – BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ Giao thông vận tải, Quyết định số 20/2008/QĐ – UBND ngày 16/04/2008 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND thành phố, Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 24/08/2009 và quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 27/03/2009.</li><li>- Bổ sung Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;</li><li>- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện và bãi bỏ phí, lệ phí.</li></ul>
2	T-HNO- 263552-TT	Cấp Giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày</li></ul>

		<p>cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý (đối với đường quốc lộ được uỷ thác quản lý phải có ý kiến thoả thuận của Cục đường bộ Việt Nam).</p>	<p>24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ Quyết định 04/2006/QĐ – BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ Giao thông vận tải, Quyết định số 20/2008/QĐ</li> <li>- UBND ngày 16/04/2008 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND thành phố, Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 24/08/2009 và quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 27/03/2009.</li> <li>- Bổ sung Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;</li> <li>- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện và bãi bỏ phí, lệ phí.</li> </ul>
3	T-HNO-263553-TT	<p><b>Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (nhóm B, C và các công trình xây dựng mới, sửa chữa chưa đến mức phải lập dự án) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương.</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</li> <li>- Bãi bỏ Quyết định 04/2006/QĐ – BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ Giao thông vận tải, Quyết định số 20/2008/QĐ</li> <li>- UBND ngày 16/04/2008 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND thành phố, Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 24/08/2009 và quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 27/03/2009.</li> <li>- Bổ sung Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà</li> </ul>

			Nội Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội; - Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện và bãi bỏ phí, lệ phí.
4	T-HNO-263539-TT	<b>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu</b>	- Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.
5	T-HNO-263540-TT	<b>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn</b>	- Thông tư 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.
6	T-HNO-263568-TT	<b>Cấp Giấy phép xe tập lái</b>	- Sửa đổi Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính
7	T-HNO-263569-TT	<b>Cấp lại Giấy phép xe tập lái</b>	- Sửa đổi Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính
8	T-HNO-263527-TT	<b>Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô</b>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, Thành phần hồ sơ và yêu cầu, điều kiện - Bổ sung thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/1/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND-cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Bổ sung Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND TP Hà Nội về việc thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội.
<b>II. Lĩnh vực đường thủy</b>			
1	T-HNO-263578-TT	<b>Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên</b>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện

		dùng nối với đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế	
2	T-HNO-263580-TT	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện
3	T-HNO-263581-TT	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện
4	T-HNO-263582-TT	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện

		<p>thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)</p>	
5	T-HNO-263583-TT	<p>Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.</p>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện
6	T-HNO-263585-TT	<p>Công bố lại cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.</p>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện
7	T-HNO-263584-TT	<p>Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.</p>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện

8	T-HNO-263589	<b>Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và ô tô.</b>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện
<b>III. Lĩnh vực đăng kiểm</b>			
1	T-HNO-263609-TT	<b>Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo</b>	- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ,
<b>IV. Lĩnh vực xây dựng</b>			
1		<b>Ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm B, C trên địa bàn thành phố Hà Nội</b>	- Sửa đổi Trình tự thực hiện và cách thức thực hiện

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực đường bộ</b>			
1	T-HNO-263548-TT	<b>Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh</b>	Thực hiện theo thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 2/11/2015
2	T-HNO-263549-TT	<b>Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh</b>	Thực hiện theo thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 2/11/2015
3	T-HNO-263550	<b>Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh</b>	Thực hiện theo thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 2/11/2015



## **PHẦN II : NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI**

### **I. Lĩnh vực đường bộ**

**Thủ tục . Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác là đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý.**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa
- Cán bộ kiểm tra hồ sơ, lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả tại Bộ phận một cửa

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội và kiểm tra hiện trường.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình của Chủ đầu tư
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thiết kế, Quyết định phê duyệt, các tài liệu liên quan như: thoả thuận quy hoạch, các thoả thuận cấp nước, thoát nước, điện lực...
- Quyết định công nhận đơn vị trúng thầu, Hợp đồng thi công.
- Biện pháp thi công, tiến độ thi công, Quyết định phân luồng tổ chức giao thông (đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông)
- \* Trường hợp khách quan, có lý do phù hợp với thời gian đã thi công giấy phép quá hạn; chủ đầu tư có công văn đề nghị gia hạn xin giấy phép.
- \* Trường hợp giải quyết sự cố: cấp, thoát, nước, chiếu sáng, điện lực, thông tin... hồ sơ gồm có: Giấy báo sự cố, bản vẽ sơ hoạ vị trí xin xử lý sự cố.

b) Số-lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp gia hạn: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp giải quyết sự cố: 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào hè, đào đường

**8. Phí, lệ phí:** Không có

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 29/03/2015 của Bộ GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 7463/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt danh mục các tuyến phố giao Sở Giao thông vận tải quản lý đồng bộ vỉa hè, lòng đường phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 2/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ... tháng ... năm 201 ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5...);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên

- Lưu VT.

(...2....) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### **Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

### **Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**Thủ tục. Cấp Giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý (đối với đường quốc lộ được uỷ thác quản lý phải có ý kiến thoả thuận của Cục đường bộ Việt Nam).**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa
- Cán bộ kiểm tra hồ sơ, lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả tại Bộ phận một cửa

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội và kiểm tra hiện trường.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Công văn xin phép đào hè, đào đường của Chủ đầu tư.
  - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thiết kế, Quyết định phê duyệt, các tài liệu liên quan như: thoả thuận quy hoạch, các thoả thuận cấp nước, thoát nước, điện lực...
  - Quyết định công nhận đơn vị trúng thầu, Hợp đồng thi công.
  - Biện pháp thi công, tiến độ thi công, Quyết định phân luồng tổ chức giao thông (đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông)
  - Đối với các công trình trên địa bàn các quận, phải có ý của quận sở tại.
- \* Trường hợp khách quan, có lý do phù hợp với thời gian đã thi công giấy phép quá hạn; chủ đầu tư có công văn đề nghị gia hạn xin giấy phép.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hợp lệ.
- Trường hợp gia hạn: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào hè, đào đường

**8. Phí, lệ phí:** Không có

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Có

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 29/03/2015 của Bộ GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;
- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015;
- Quyết định số 7463/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt danh mục các tuyến phố giao Sở Giao thông vận tải quản lý đồng bộ vỉa hè, lòng đường phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 2/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ..... (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày .... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5.....)

(...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. 2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên:

.....

.....

- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI**

**KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.
- (7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).
- (8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).
- (9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.
- (10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.



**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../....., ngày .... tháng .... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(.. 2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(.. 2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....;

.....;

- Lưu VT.

**Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./

www.LuatVietnam.vn

**Thủ tục. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (nhóm B, C và các công trình xây dựng mới, sửa chữa chưa đến mức phải lập dự án) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa
- Cán bộ kiểm tra hồ sơ, lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả tại Bộ phận một cửa

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội và kiểm tra hiện trường.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Công văn xin phép đào hè, đào đường của Chủ đầu tư
  - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thiết kế, Quyết định phê duyệt, các tài liệu liên quan như: thoả thuận quy hoạch, các thoả thuận cấp nước, thoát nước, điện lực...
  - Quyết định công nhận đơn vị trúng thầu, Hợp đồng thi công
  - Biện pháp thi công, tiến độ thi công, Quyết định phân luồng tổ chức giao thông (đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông)
  - Đối với các công trình trên địa bàn các quận, phải có ý của quận sở tại.
- \* Trường hợp khách quan, có lý do phù hợp với thời gian đã thi công giấy phép quá hạn; chủ đầu tư có công văn đề nghị gia hạn xin giấy phép.

b. Số lượng : 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp gia hạn: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào hè, đào đường

**8. Phí, lệ phí:** Không có

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều

của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 29/03/2015 của Bộ GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015;
- Quyết định số 7463/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt danh mục các tuyến phố giao Sở Giao thông vận tải quản lý đồng bộ vỉa hè, lòng đường phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 2/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

## **Thủ tục. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (1);

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng (2);

- Trường hợp chủ sở hữu mất một trong những giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng thì phải nộp thêm bản cam đoan theo mẫu (bản chính).

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

**4. Thời hạn giải quyết:** 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:** Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000đ/lần cấp/phương tiện.

### **9. Tên mẫu đơn:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

### **10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được ủy quyền thì phải có giấy ủy quyền của chủ sở

hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Ghi chú:*

*(1) Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:*

- Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);
- Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);
- Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);
- Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.

*Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.*

*(2) Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:*

- Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);
- Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá số đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính);
- Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Mẫu:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn:.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:.....  
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....  
Số động cơ:..... Số khung:.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng:.....  
Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe  
máy chuyên dùng khai trên  
....., ngày.....tháng..... năm.....  
Người khai ký tên

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):.....**Biển số đề nghị cấp:** .....

Cán bộ làm thủ tục  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)

\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

Mẫu:

Tên Sở GTVT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất.....

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:...

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc  hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....

+.....

+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện  
( ký, ghi rõ họ tên)

**\* Ghi chú:**

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản;  
Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.



## **Thủ tục. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn theo mẫu (bản chính);

- Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam;

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính); hoặc

+ Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực). Trường hợp không có chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng chủ sở hữu phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính).

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

**4. Thời hạn giải quyết:** 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan đơn vị được Sở Giao thông vận tải ủy;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng và biển số.

### **8. Phí và lệ phí:**

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đ/lần cấp/phương tiện. Không thu các khoản lệ phí (quy định tại tiết b, c và d điểm 1 mục này) đối với các trường hợp sau:

a) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống liên hợp quốc;

b) Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, thành viên các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương được Bộ Ngoại giao uỷ quyền cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ. Trường hợp này, người đăng ký phải xuất trình với cơ quan đăng ký chứng minh thư ngoại giao (màu đỏ) hoặc chứng minh thư công vụ (màu vàng) theo quy định của Bộ Ngoại giao;

c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài khác (cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ ngoài hệ thống liên hợp quốc, cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ, các đoàn của tổ chức quốc tế, thành viên của cơ quan và tổ chức khác...) không thuộc đối tượng nêu tại tiết a, b trên đây, nhưng được miễn nộp hoặc không phải nộp lệ phí theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Trường hợp này tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan đăng ký:

- Đơn đề nghị miễn nộp lệ phí, có ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là tổ chức).

- Bản sao hiệp định hoặc thoả thuận giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài bằng tiếng Việt Nam (có xác nhận của Công chứng nhà nước hoặc ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu xác nhận của chủ chương trình, dự án).

#### **9. Tên mẫu đơn:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

#### **10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

#### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ**  
**XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

Tên chủ sở hữu:.....  
Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....  
Ngày cấp:.....Cơ quan cấp.....  
Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:.....  
Trụ sở giao dịch:.....  
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....  
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....  
Số động cơ:.....Số khung.....  
Kích thước bao (đài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... xét cấp đăng ký, biên số có thời hạn cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

..., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

**Biên số đề nghị cấp:** .....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu:

Tên Sở GTVT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....  
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....  
Số động cơ:.....Số khung.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:...

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc  hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký Lý do.....
2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....  
+.....  
+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện  
( ký, ghi rõ họ tên)

\* Ghi chú:

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản:  
Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.

## **Thủ tục. Cấp Giấy phép xe tập lái**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

Người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ, trả kết quả.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: Số 2 Phùng Hưng- Q.Hà Đông- Hà Nội.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Bản sao các giấy tờ sau:

+ Giấy đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ dùng cho xe có phanh phụ hiệu lực còn thời hạn;

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: *Phòng Quản lý phương tiện giao thông.*

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời gian được phép lưu hành của xe tập lái.

### **8. Phí, lệ phí (nếu có):**

Lệ phí cấp Giấy phép xe tập lái: 30.000đồng/lần/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Xuất trình bản chính các tài liệu như thành phần hồ sơ.

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/05/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT*  
*ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TRƯỜNG.....  
 TRUNG TÂM.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

Trường (Trung tâm) .....đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhậ :**

- Như trên;
- Lưu:

## **Thủ tục. Cấp lại Giấy phép xe tập lái**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Khi Giấy phép xe tập lái hết hạn, cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

Người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ, trả kết quả.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: Số 2 Phùng Hưng- Q.Hà Đông- Hà Nội.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Bản sao các giấy tờ sau:

+ Giấy đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ dùng cho xe có phanh phụ hiệu lực còn thời hạn;

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: *Phòng Quản lý phương tiện giao thông.*

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Phòng-Quản-ly-phương tiện giao thông.*

d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời gian được phép lưu hành của xe tập lái.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Lệ phí: 30.000đ/lần/phương tiện (tối thiểu 6 tháng).

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Xuất trình bản chính các tài liệu như thành phần hồ sơ.

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;



- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/05/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT*  
*ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TRƯỜNG.....  
 TRUNG TÂM.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

Trường (Trung tâm) .....đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày.....tháng .....năm 20....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhậ :**  
 - Như trên;  
 - Lưu:

## **Thủ tục. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

### **A/ Nộp hồ sơ theo hình thức thông thường**

#### ***a. Trình tự thực hiện:***

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan hoặc qua đường bưu điện.

#### ***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội, địa chỉ: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội.
- Gửi qua đường bưu điện (địa chỉ : Sở Giao thông vận tải Hà Nội - số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội).

#### ***c. Hồ sơ:***

- \* Thành phần hồ sơ:
  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định; (phụ lục 1)
  - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người-trực tiếp điều hành vận tải; (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã)
  - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; (phụ lục 3)
  - Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ );
  - Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi). (phụ lục 6)

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

#### ***d. Thời hạn giải quyết:***

- Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh (cấp lần đầu): Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

## **B/ Nộp hồ sơ trực tuyến theo mức độ 3**

### ***a/ Trình tự thực hiện***

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đăng ký hồ sơ trực tuyến trên trang thông tin điện tử (nhập đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến) và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa theo lịch hẹn
- Sau khi thẩm định hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh sẽ hẹn lịch để tổ chức và công dân đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính . Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thụ lý, sẽ có phản hồi và nêu rõ lý do qua trang thông tin dịch vụ công trực tuyến

### ***b) Cách thức thực hiện:***

- Hệ thống Dịch vụ Công trực tuyến tích hợp dịch vụ thông báo tới công dân lịch hẹn hoặc lý do bị từ chối.
- Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của tổ chức, cá nhân, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính. Người có thẩm quyền được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trả kết quả.
- Đăng ký trực tuyến trên trang thông tin điện tử : [www.dvctt.sogtvt.hanoi.gov.vn](http://www.dvctt.sogtvt.hanoi.gov.vn) hặc trên trang điện tử ( website ) của sở : [www.sogtvt.hanoi.gov.vn](http://www.sogtvt.hanoi.gov.vn)
- Nộp hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

### ***c/ Thành phần hồ sơ:***

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định; (phụ lục 1)
- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải; (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã)
- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; (phụ lục 3)
- Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ );
- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi). (phụ lục 6)

**d. Thời hạn giải quyết:**

Sau 02 giờ, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e. Đối tượng thực hiện TTHC:**

**\* Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách:**

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

**\* Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách:**

- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô

**\* Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ**

**\* Đối với những loại hình kinh doanh vận tải chưa được cấp Giấy phép kinh doanh trước khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc cấp Giấy phép kinh doanh được thực hiện theo lộ trình sau đây:**

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 đối với xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải (trừ xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ);
- Trước ngày 01 tháng 1 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;
- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;
- Trước ngày 01 tháng 1 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;
- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

**f. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Hà Nội.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

**g. Kết quả thực hiện TTHC:**

Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô.

**h. Phí, lệ phí:**

- Cấp mới: 200.000 đồng/lần
- Cấp đổi, cấp lại: 50.000 đồng/lần

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Giấy đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Quy định tại các điều 13, điều 14, điều 15, điều 16, điều 17, điều 18, điều 19, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ, chi tiết như sau:

**"Điều 13. Điều kiện chung kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

Đơn vị kinh doanh vận tải phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe phải được gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian-công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công

nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

#### **Điều 14. Thiết bị giám sát hành trình của xe**

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoạt động kinh doanh vận tải và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

2. Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

b) Thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Đối với những loại xe chưa được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trước khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được thực hiện theo lộ trình sau:

a) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 đối với xe taxi, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải;

b) Trước ngày 01 tháng 1 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;

c) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;

d) Trước ngày 01 tháng 1 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;

đ) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

#### **Điều 15. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, có công cụ hỗ trợ lên, xuống thuận tiện hoặc sự trợ giúp phù hợp đối với người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

3. Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 kilômét: không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 kilômét trở xuống: không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

4. Từ ngày 01 tháng 07 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 kilômét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: từ 05 xe trở lên.

#### **Điều 16. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 và Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

3. Xe buýt phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định cụ thể về màu sơn của xe buýt trên địa bàn.

4. Từ ngày 01 tháng 07 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

#### **Điều 17. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 (trừ Điểm c Khoản 3 Điều 13) Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).



3. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 08 năm tại đô thị loại đặc biệt; không quá 12 năm tại các địa phương khác.

4. Trên xe phải gắn đồng hồ tính tiền được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

5. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải taxi trước đó và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị.

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có trung tâm điều hành, duy trì hoạt động của trung tâm điều hành với lái xe, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe thuộc đơn vị.

7. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có số xe tối thiểu là 10 xe; riêng đối với đô thị loại đặc biệt phải có số xe tối thiểu là 50 xe.

**Điều 18. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô**

1. Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

3. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy định tại điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 kilômét trở lên phải có số lượng xe tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên, riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP, còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan.

**Điều 19. Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa**

1. Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hoá sử dụng xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô vận tải hàng hoá trên hành trình có cự ly từ 300 kilômét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên. ”

**1. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ
- Thông tư liên tịch của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch - Bộ Giao thông vận tải số 05/2011/TTLT-BVTTDL-BGTVT ngày 26/01/2011 quy định về vận chuyển khách du lịch bằng ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận chuyển khách du lịch.
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/1/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương
- Văn bản số 777/BGTVT-VT ngày 20/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc trả lời một số Sở Giao thông vận tải và thống nhất thực hiện đối với một số nội dung quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP và Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.
- Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND TP Hà Nội về việc thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **II. Lĩnh vực đường thủy**

**Thủ tục . Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

+ Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản chấp thuận việc tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi cho đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa thông qua hệ thống bưu chính hoặc nhận trực tiếp tại trụ sở cơ quan.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;

- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;

- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;

- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý giao thông đường thủy nội địa
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì:

- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại: .....

2. Tên công trình:

- Địa điểm: .....

3. Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:

- Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....

5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế:

.....

*(Ghi các nội dung đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa).*

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Tài liệu gửi kèm:**

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy nội địa.

**Thủ tục . Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công dự án phải gửi hồ sơ đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 (hai) ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm;

- Chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình và Sở Giao thông vận tải thống nhất xác định vùng nước và hiện trạng luồng trong phạm vi thi công công trình.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết không chế, bố trí phương tiện điều tiết không chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

TÊN CƠ QUAN TRÌNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..(1)..-(2)  
V/v.....(3)

....., ngày tháng năm

Kính gửi: .....(4).....

.....(5).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...(7).

**THỦ TRƯỞNG (6)**

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).



**Thủ tục . Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi thi công công trình tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 (hai) ngày làm việc;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết không chế, bố trí phương tiện điều tiết không chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án..

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.**

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

TÊN CƠ QUAN TRÌNH .....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....  
-----

Số: /..(1)..-(2)

....., ngày tháng năm

V/v.....(3)

Kính gửi: .....(4).....

.....(5) .....

.....

.....

.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, ...(7).

**THỦ TRƯỞNG (6)**  
**(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)**

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

**Thủ tục . Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Sở Giao thông vận tải xem xét, xác định biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để có văn bản trả lời trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa. Văn bản trả lời phải nêu rõ yêu cầu về biện pháp bảo đảm an toàn giao thông..

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (nêu rõ địa điểm, thời gian, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động và các văn bản pháp lý kèm theo).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**Thủ tục . Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa đến Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

- Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa như sau:

+ Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bên thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

**b) Giải quyết TTHC:**

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.**

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng hải khu vực.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:**

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

- Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (2) .....

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh) .....

Thuộc địa phận: xã (phường) ....., huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố): .....

Quy mô dự kiến xây dựng: .....

Mục đích sử dụng: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng: .....

Phạm vi vùng nước sử dụng .....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

**Tổ chức (cá nhân) làm đơn**  
Ký và đóng dấu

**Ghi chú:**

1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.



**Thủ tục . Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

*Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa đến Bộ phận một cửa Sở Giao thông vận tải (cơ quan đã chấp thuận chủ trương xây dựng cảng).*

**b) Giải quyết TTHC:**

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

- *Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội*

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bản sao chứng thực quyết định-đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt; hồ sơ hoàn công;

- Biên bản nghiệm thu công trình;

- Bình đồ vùng nước của cảng;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu);

**b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.**

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:**

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

- Trường hợp cảng mới xây xong phần cầu tàu nhưng chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng ngay phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình khác của cảng thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tạm thời phần cầu tàu đã hoàn thành theo thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Thông tư 50/2014/TT-BGTVT, hiệu lực của quyết định công bố tạm thời không quá 12 tháng.

- Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2)

Vị trí cảng: từ km thứ ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh)

Thuộc xã (phường) ....., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Cảng thuộc loại:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi): .....

Phạm vi vùng nước sử dụng:.....

Vùng đón trả hoa tiêu

Phương án khai thác .....

Cảng có khả năng tiếp nhận loại phương tiện:

Thời gian hoạt động từ ngày ..... đến ngày .....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

**Tổ chức (cá nhân) làm đơn**  
Ký và đóng dấu

**Ghi chú:**

1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

**Thủ tục . Công bố lại cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động lại cảng thủy nội địa đến bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

- Cảng thủy nội địa phải công bố lại trong các trường hợp sau:

+ Khi thay đổi chủ sở hữu;

+ Quyết định công bố hoạt động hết hiệu lực;

+ Thay đổi kết cấu công trình cảng, vùng đất, vùng nước hoặc thay đổi công dụng của cảng.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải - Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Đối với trường hợp do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung đã công bố, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng cảng và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

- Đối với trường hợp công bố lại do có sự thay đổi về kết cấu công trình cảng, vùng nước, vùng đất, công dụng của cảng, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh các nội dung thay đổi;

- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, thực hiện theo quy định về công bố hoạt động cảng thủy nội địa đối với phần xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp;

- Đối với cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 do thất lạc hồ sơ, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình cảng, bình đồ vùng nước, vùng đất của cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu.

#### **10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:**

- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, yêu cầu:

+ Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

+ Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

+ Trường hợp cảng mới xây xong phần cầu tàu nhưng chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng ngay phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình khác của cảng thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tạm thời phần cầu tàu đã hoàn thành theo thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Thông tư 50/2014/TT-BGTVT, hiệu lực của quyết định công bố tạm thời không quá 12 tháng.

+ Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....  
Tên tổ chức, cá nhân .....  
Địa chỉ trụ sở: .....  
Số điện thoại: .....Số FAX .....  
Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2) .....  
Vị trí cảng: từ km thứ ..... đến km thứ .....  
Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh) .....  
Thuộc xã (phường) ....., huyện (quận) .....  
Tỉnh (thành phố): .....  
Cảng thuộc loại: .....  
Phạm vi vùng đất sử dụng: .....  
Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi.): .....  
Phạm vi vùng nước sử dụng: .....  
.....  
Vùng đón trả hoa tiêu (nếu có) .....  
Phương án khai thác: .....  
Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận: .....  
Lý do đề nghị công bố lại: .....  
Thời hạn xin hoạt động từ ngày ...../...../..... đến hết ngày ...../...../.....  
Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định, của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn  
Ký tên và đóng dấu

**Ghi chú:**

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

**Thủ tục. Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và ô tô.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở ô tô đến Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có Quyết định phê duyệt cho tổ chức, cá nhân vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và ô tô. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến theo mẫu (bản chính);

- Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao công chứng);

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao công chứng);

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao công chứng);

- Dự thảo Quy trình vận hành, khai thác bến;

- Các tài liệu khác liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ,

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;



c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:**

- Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông

- Lắp đặt đầy đủ trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa tại những vị trí theo đúng thiết kế phương tiện hoặc tại những vị trí dễ lấy, dễ thấy trên phương tiện.

- Niêm yết Bảng nội quy bến, bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa và lối thoát hiểm tại những vị trí dễ thấy trên phương tiện;

- Thực hiện đúng quy trình vận chuyển người và phương tiện khi qua phà

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;

- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

### **III. Lĩnh vực đăng kiểm**

#### **Thủ tục. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

###### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (cơ quan thẩm định thiết kế).

###### **b) Giải quyết TTHC:**

- Cơ quan thẩm định thiết kế tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định: Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

**2. Cách thức thực hiện :** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) theo mẫu;

- 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có thành phần theo quy định;

- Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

- Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

###### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**4. Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

##### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định thiết kế: 300.000 đồng/mẫu.
- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 102/2008/TT- BTC ngày 11/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải;
- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng linh kiện, xe cơ giới và các loại thiết bị, xe máy chuyên dùng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông  
sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô**

**Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.**

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại: .....

2. Tên công trình: .....

- Địa điểm: .....

3. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1	Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến	
2	Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao công chứng)	
3	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao công chứng)	
4	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao công chứng)	
5	Dự thảo quy trình vận hành, khai thác bến	
6	Các tài liệu khác liên quan	

*Ghi chú: đánh dấu (x) vào ô tương ứng.*

4. Nội dung đề nghị:

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **IV. Lĩnh vực xây dựng**

**Thủ tục. Ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm B, C trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**1. Trình tự thực hiện:** *Gửi liên thông qua cơ quan, tổ chức đầu mối thẩm định dự án/thẩm định TKCS.*

**2. Cách thức thực hiện:** *Gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định Thiết kế cơ sở tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Sở GTVT Hà Nội: Số 2 Phùng Hưng- Hà Đông- Hà Nội hoặc qua hệ thống bưu chính*

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

- Bản sao văn bản của cấp có thẩm quyền về chủ trương đầu tư xây dựng công trình;

- Hồ sơ Thiết kế cơ sở:

+ Thuyết minh và các bản vẽ thiết kế cơ sở theo điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

+ Báo cáo kết quả khảo sát công trình bước thiết kế cơ sở.

+ Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

+ Hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 hoặc chứng chỉ quy hoạch khu đất lập dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sự kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực, sử dụng đất, phòng chống cháy nổ, Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Hoặc cam kết bảo vệ môi trường).

+ Chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu khảo sát xây dựng; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm khảo sát xây dựng.

+ Chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu thiết kế; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc đối với Dự án nhóm B; 10 ngày làm việc với Dự án nhóm C kể từ ngày nhận được hồ sơ (theo dấu công văn đến);

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Thẩm Định

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản tham gia ý kiến

**8. Phí và lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Quyết định 56/2013/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành quy định về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

TÊN TỔ CHỨC  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## TỜ TRÌNH

### Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án: .....
2. Nhóm dự án: .....
3. Loại và cấp công trình: .....
4. Người quyết định đầu tư: .....
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...): .....
6. Địa điểm xây dựng: .....
7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....
8. Nguồn vốn đầu tư: .....
9. Thời gian thực hiện: .....
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....
12. Các thông tin khác (nếu có): .....

#### II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO



### 1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

### 2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

### 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

#### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**Tên người đại diện**